

Số: **23** /NQ-HĐND

Lộc Ninh, ngày **30** tháng 10 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 167/TTr-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Lộc Ninh về việc thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023; Báo cáo thẩm tra số 12/BC-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của các Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023 với các nội dung như sau:

A. Nguyên tắc, thứ tự ưu tiên bố trí kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023:

I. Danh mục dự án bố trí năm 2023 phải thuộc danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 đã được Hội đồng nhân dân huyện thông qua và đáp ứng điều kiện bố trí vốn theo quy định Luật Đầu tư công.

II. Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng (vốn tất toán các công trình đã quyết toán).

III. Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ trên, mới bố vốn cho các dự án khởi công mới có trong danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

IV. Bố trí chuyển nguồn đầu tư của KH năm 2022 chuyển sang.

B. Kế hoạch vốn theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện:

I. Nguồn vốn được phân bổ: 379 tỷ 547 triệu đồng, tăng 61 tỷ 474 triệu đồng so với Nghị quyết số 07, bao gồm:

1. Vốn tỉnh phân cấp: 28.000 triệu đồng.

2. Nguồn thu tiền sử dụng đất: 66.640 triệu đồng.

3. Vốn tỉnh hỗ trợ khác, xây dựng phòng học và các chương trình mục tiêu, tiết kiệm chi thường xuyên: 272.437 triệu đồng (tăng 14.000 triệu đồng vốn phòng học và tăng 2.000 triệu đồng chương trình NTM, hỗ trợ thực hiện quy hoạch 15.000 triệu đồng, hỗ trợ có mục tiêu khác 17.000 triệu đồng; chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS: 1.004 triệu đồng).

4. Vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023: 12.470 triệu đồng.

II. Phương án phân bổ: 379 tỷ 547 triệu đồng

1. Vốn huyện quản lý: 261.365 triệu đồng

Trong đó:

- Công trình chuyển tiếp: 66.823 triệu đồng.

- Công trình khởi công mới: 193.642 triệu đồng.

- Công trình chuẩn bị đầu tư: 900 triệu đồng.

2. Vốn trợ cấp cân đối cho ngân sách xã, thị trấn: 118.182 triệu đồng

Trong đó:

- Công trình chuyển tiếp: 14.541 triệu đồng.

- Công trình khởi công mới: 103.541 triệu đồng.

- Công trình chuẩn bị đầu tư: 100 triệu đồng.

C. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 tổng số: 335 tỷ 778 triệu đồng:

I. Nguồn vốn được phân bổ: 335 tỷ 778 triệu đồng, giảm 43 tỷ 769 triệu đồng so với Nghị quyết số 14, bao gồm:

1. Vốn tỉnh phân cấp: 28.000 triệu đồng.

2. Nguồn thu tiền sử dụng đất: 45.155 triệu đồng.

3. Vốn tỉnh hỗ trợ khác, xây dựng phòng học và các chương trình mục tiêu, tiết kiệm chi thường xuyên: 250.153 triệu đồng (giảm KHV từ tiết kiệm chi thường xuyên sang 22.284 triệu đồng do hụt thu cân đối).

4. Vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023: 12.470 triệu đồng.

II. Phương án phân bổ: 335 tỷ 778 triệu đồng

1. Vốn huyện quản lý: 207.396 triệu đồng

Trong đó:

- Công trình chuyển tiếp: 99.413 triệu đồng.



- Công trình khởi công mới: 107.033 triệu đồng.
 - Công trình chuẩn bị đầu tư: 950 triệu đồng.
2. Vốn trợ cấp cân đối cho ngân sách xã, thị trấn: 128.382 triệu đồng

Trong đó:

- Công trình chuyển tiếp: 15.541 triệu đồng.
- Công trình khởi công mới: 112.841 triệu đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện Lộc Ninh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện về kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Lộc Ninh khóa XI, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 26 tháng 10 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

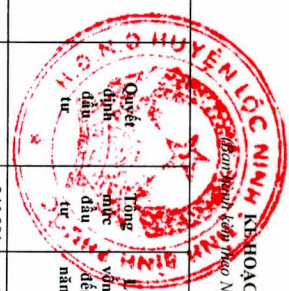
Nơi nhận:

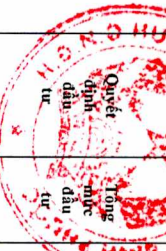
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Tổ DB HĐND tỉnh ứng cử trên địa bàn huyện;
- TT. HU, HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các Ban, Tổ đại biểu, Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVVP HĐND - UBND huyện;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Trần Thành Hùng



TT	Tên công trình		Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư năm 2022	Vốn kế hoạch bố trí đến hết năm 2022	Tổng cộng	Kế hoạch điều chỉnh vốn theo Nghị quyết 14						Dự kiến kế hoạch điều chỉnh vốn 10 tháng năm 2023						Chú đầu tư
							Vốn phân cấp	Thu tiền sử dụng đất	Trong đó		Vốn chuyển nguồn 2022 - 2023	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Thu tiền sử dụng đất	Trong đó		Vốn chuyển nguồn 2022 - 2023		
									Vốn NTM	Vốn khác					Vốn NTM	Vốn khác			
																		TV hỗ trợ	
TỔNG CỘNG																			
A	VÒNG HUỖN QUẢN LÝ				946.001	429.006	379.547	28.000	66.640	30.000	242.437	12.470	335.778	28.000	45.155	30.000	220.153	12.470	
I	CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP				842.236	397.500	256.665	14.255	50.650	30.000	155.060	7.000	207.396	11.755	28.865	30.000	132.776	4.000	
1	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG				534.271	397.500	64.623	9.441	10.678	-	44.504	-	99.413	9.641	23.833	-	65.939	-	
1.1	XD Hội trường BCH Quận sư huyện				13.379	9.000	3.184	-	1.100	-	2.084	-	3.824	205	1.100	-	2.519	-	
1.2	XD Hội trường BCH Quận sư huyện				QB 4650	27/11/2020	8.500	7.500	684		684		889	205			684		
1.2	Xây dựng Trạm y tế thị trấn Lộc Ninh				QB 3951	19/9/2022	4.879	1.500	2.500	1.100	1.400		2.935		1.100		1.835		
2	CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG				19/9/2022	325.981	292.709	14.234	6.330	904	-	21.424	6.125	904	-	14.395			
2.1	Đường từ QL13 qua xã Lộc An đi Lộc Hiệp				QB 3010	30/10/2019	60.000	53.686	500				500					Ban QLDA DTXD huyện	
2.2	Xây dựng đường giao thông nông thôn xã Lộc Hòa				CV số 07	23/4/2020	55.000	53.475	985				985					Ban QLDA DTXD huyện	
2.3	Xây dựng đường giao thông ấp Tà Tẻ, xã Lộc Thành				QB 1885	22/6/2020	39.500	36.210	1.000				1.735	1.000			735	Ban QLDA DTXD huyện	
2.4	Cầu BTCT đường Phan Chu Trinh (nối dài)				QB 1927	15/6/2021	4.324	4.000	324				324	324				Ban QLDA DTXD huyện	
2.5	Đầu tư hạ tầng quy hoạch khu dân cư xã Lộc Thái				QB 1856	14/6/2021	6.970	6.240	730				730	730				Ban QLDA DTXD huyện	
2.6	Đường liên ấp từ tổ 4 ấp Chàng Hai đi tổ 7,9 ấp Việt Tân, xã Lộc Quang				QB 542	26/02/2021	14.919	14.270	649				464	464				Ban QLDA DTXD huyện	
2.7	Đường vành đai thị trấn Lộc Ninh				QB 549	26/02/2021	9.668	9.000	668				668	668				Ban QLDA DTXD huyện	
2.8	Nâng cấp, mở rộng đường Phan Bội Châu thị trấn Lộc Ninh				QB 545	26/02/2021	11.465	11.000	465				465	465				Ban QLDA DTXD huyện	
2.9	Nâng cấp các tuyến đường nội ô thị trấn Lộc Ninh				QB 546	26/02/2021	10.486	9.910	576				576	576				Ban QLDA DTXD huyện	
2.10	Đường từ Trường THPT Lộc Hiệp đi khu đất dự án 1592 (ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A, xã Lộc Hiệp) giai đoạn 2				QB 4956	25/12/2020	8.649	8.000	649		216		629	413	216			Ban QLDA DTXD huyện	
2.11	Đường từ xã Lộc Khánh kết nối QL13				QB 549	24/02/2022	22.000	20.000	688				1.748	-	688		1.060	Ban QLDA DTXD huyện	
2.12	Đường nhựa từ khu di tích Tà Thiết đi cửa khẩu Lộc Thịnh, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh				QB 501	17/02/2022	55.000	50.418	2.000				2.000	-			2.000	Ban QLDA DTXD huyện	
2.13	Đường từ ngã ba Hồ Bơm, thị trấn Lộc Ninh đi ấp 10, xã Lộc Thiện				QB 891	16/3/2022	28.000	16.500	5.000				5.000				10.600	Ban QLDA DTXD huyện	
3	CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO				16/3/2022	168.389	93.291	34.083	3.111	8.352	-	22.620	-	60.643	3.311	21.507	-	35.825	-
3.1	XD phòng thư viện, thiết bị, tin học, phòng hội đồng và nhà tập Đa năng trường THCS Lộc Thái				QB 548	26/02/2021	7.000	6.300	700				700	700				Ban QLDA DTXD huyện	
3.2	XD 10 phòng học lầu, 02 phòng người nghèo, tin học và nhà tập đa năng trường TH Lộc Hiệp				QB 1601	27/5/2021	12.593	11.300	1.293				593	1.293	700		593	Ban QLDA DTXD huyện	
3.3	XD 12 phòng học lầu (06 phòng học, 06 phòng chức năng và khoi phòng hỗ trợ học tập) trường THCS Lộc Tân				QB 1316	28/4/2021	14.900	14.200	700				700		-		700	Ban QLDA DTXD huyện	
3.4	XD 04 phòng chức năng và nhà tập đa năng trường TH Lộc Thái B				QB 547	26/02/2021	6.500	5.939	561				561	561				Ban QLDA DTXD huyện	
3.5	XD nhà tập Đa năng và 04 phòng lầu chức năng (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và 02 phòng tin học) trường THCS Lộc Diên				QB 5236	27/8/2021	7.337	5.740	1.537				1.597		1.537		60	Ban QLDA DTXD huyện	
3.6	XD 06 phòng học lầu (điểm lẻ) trường TH Lộc Thuận B				QB 2392	29/6/2021	4.386	3.620	766				766					Ban QLDA DTXD huyện	
3.7	Xây dựng 10 phòng học chức năng và nhà tập đa năng trường THCS Lộc Hưng				QB 515	21/02/2022	13.928	8.500	412				4.212		4.212			Ban QLDA DTXD huyện	
3.8	Xây dựng 07 phòng học và chức năng, 04 phòng hỗ trợ học tập, hội trường và nhà tập đa năng trường TH Lộc Diên A				QB 5246	30/8/2021	14.774	9.230	544				4.244		2.244		2.000	Ban QLDA DTXD huyện	

DVC: triệu đồng

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn bố trí đến hết năm 2022	Kế hoạch điều chỉnh vốn theo Nghị quyết 14							Dự kiến kế hoạch điều chỉnh vốn 10 tháng năm 2023							Chú đầu tư
					Tổng cộng	Vốn phân cấp	Thu tiền sử dụng đất	Trong đó			Vốn chuyển Nguồn 2022 - 2023	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Thu tiền sử dụng đất	Trong đó			Vốn chuyển Nguồn 2022 - 2023	
								Vốn NTM	Vốn tỉnh hỗ trợ	khác tỉnh					Vốn NTM	Vốn tỉnh hỗ trợ	khác tỉnh		
3.9	Xây dựng 08 phòng học lầu, hàng rào, sân bê tông Trường Tiểu học Lạc Điền B	QĐ 4524 11/8/2021	4.764	3.432	1.332		432		900		1.332		432		900			Ban QLDA DTXD huyện	
3.10	XD 14 phòng học, phòng chức năng và nhà tập đa năng trường THCS Lạc Hiệp	QĐ 4266 05/8/2021	14.707	10.150	950		950				3.450		3.450					Ban QLDA DTXD huyện	
3.11	Xây dựng Trường tiểu học thị trấn Lạc Ninh A (vị trí mới)	QĐ 3953 19/9/2022	19.000	240	8.461	431			8.030		14.461	431			14.030			Ban QLDA DTXD huyện	
3.12	Xây dựng 12 phòng học lý thuyết (khởi đầu học) và 06 phòng học bộ môn (khởi THCS) Trường THPTTHCS Lạc Thành	QĐ 3952 19/9/2022	20.000	6.500	2.650		2.650				9.650		7.305		2.345			Ban QLDA DTXD huyện	
3.13	Xây dựng 24 phòng lầu Trường THCS Lạc Khánh	QĐ 167 14/1/2022	22.500	6.640	13.177	780			12.397		14.177	980	500		12.697			Ban QLDA DTXD huyện	
3.14	Xây mới kê đa Trường mầm non Sao Mai, thị trấn Lạc Ninh	QĐ 3647 31/8/2022	6.000	1.500	1.000	500	500				3.500	500	500		2.500			Ban QLDA DTXD huyện	
4	CỘNG TRỊNH ĐIỆN				6.622	2.500	322	-	322	-	722	-	322	-	400	-			
4.1	Điện trung hạ thế và trạm biến áp đường Đồng Tâm - Lạc Khánh	QĐ 1500 28/4/2022	2.822	2.500	322		322				322		322					Ban QLDA DTXD huyện	
4.2	Đường điện áp K57 xã Lạc Tân	QĐ 2840 14/9/2023	2.247								200				200			Ban QLDA DTXD huyện	
4.3	Đường Điện áp 11 xã Lạc Thuận	QĐ 2839 14/9/2023	1.553								200				200			Ban QLDA DTXD huyện	
6	VÒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH				19.900	-	12.800	-	-	12.800	-	12.800	-	-	12.800	-			
6.1	Lập quy hoạch chung đô thị Lạc Ninh đến năm 2040		5.900	-	3.000				3.000		12.800				3.000			Phòng Kinh tế và Hạ Tầng	
6.2	Lập quy hoạch chung đô thị Lạc Thái		4.600		4.000				4.000		4.000				4.000			Phòng Kinh tế và Hạ Tầng	
6.3	Lập quy hoạch chung đô thị Lạc Hiệp		6.800		3.200				3.200		3.200				3.200			Phòng Kinh tế và Hạ Tầng	
6.4	Lập nhiệm vụ và lập đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Lạc Ninh, tỉnh Bình Phước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050		2.600		2.600				2.600		2.600				2.600			Phòng Kinh tế và Hạ Tầng	
II	CỘNG TRỊNH KHỞI CÔNG MỚI				252.565	-	191.692	4.814	39.372	30.000	110.506	7.000	107.033	2.114	4.782	30.000	66.137	4.000	
I	CỘNG TRỊNH XÂY DỰNG				5.203	2.000	-	-	2.000	-	3.500	-	-	-	3.500	-			
1.1	Xây dựng kho chứa trang thiết bị Phòng cháy và phòng lưu trữ Ban Quản lý rừng phòng hộ Lạc Ninh	QĐ 496 24/2/2023	1.000		1.000				1.000		1.000				1.000			Ban QLDA DTXD huyện	
1.2	Xây dựng hàng rào, nhà xe Hát kiếm làm huyện Lạc Ninh	QĐ 1854 ngày 12/6/2023	1.000		1.000				1.000		1.000				1.000			Ban QLDA DTXD huyện	
1.3	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng khu chợ thân nhân tạo, khu nhà đại thể hệ thông thoát nước thải sinh hoạt, nước mưa, nước thải y tế, công phụ và trạm dốt Trung tâm y tế huyện Lạc Ninh	QĐ 2819 11/9/2023	3.203								1.500				1.500			Ban QLDA DTXD huyện	
2	CỘNG TRỊNH GIAO THÔNG				59.000	45.500	-	-	30.000	15.500	45.700	-	-	-	30.000	11.700	4.000		
2.1	Đường nhựa liên xã ấp Hiệp Tân, xã Lạc Hiệp đi ấp Vẻ Vang, xã Lạc Phú.	QĐ 1863 14/6/2021	13.500		7.000			6.000	1.000		12.000				9.000	3.000		Ban QLDA DTXD huyện	
2.2	Đường từ công chào ấp K54 xã Lạc Thiện đầu nối với đường phía tây Quốc lộ 13 (Chơn Thành - Hòa Lai)	QĐ 2027 ngày 26/6/2023	30.000		30.000			20.000	10.000		21.000				17.000	4.000		Ban QLDA DTXD huyện	
2.3	Nâng cấp đường từ trại giam (đường nội bộ) Công An huyện đầu nối đường Phan Chu Trinh	QĐ 1357 ngày 16/5/2023	2.500		2.000				2.000		2.200				2.200			Ban QLDA DTXD huyện	
2.4	Xây dựng cầu Bui Nui, xã Lạc Tân	QĐ 2063 ngày 30/6/2023	10.000		4.000			4.000			4.000				4.000			Ban QLDA DTXD huyện	
2.5	Xây dựng kê chắn mố cầu Dương Huỳnh Tân Phái - thị trấn Lạc Ninh	QĐ 2064 ngày 30/6/2023	3.000		2.500				2.500		2.500				2.500			Ban QLDA DTXD huyện	
2.6	Đường Liên xã Lạc Tân – Lạc Thiện (đoạn từ Nhà văn hóa ấp Bui Nui đi ấp K54 xã Lạc Thiện)	QĐ số 3168 ngày 15/7/2021	9.000								2.500					2.500		Ban QLDA DTXD huyện	
2.7	Đường từ trường TH Lạc Thiện B đi ấp 4A xã Lạc Tân	QĐ số 1444 ngày 12/5/2021	4.000								1.500					1.500		Ban QLDA DTXD huyện	
3	CỘNG TRỊNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO				108.362	55.700	-	-	55.700	-	44.347	1.000	-	-	43.347	-			
3.1	XD 05 phòng hành chính quản trị, 16 phòng học tập, 03 phòng hỗ trợ học tập, 02 phòng phụ trợ và các công trình phụ trợ Trường TH thị trấn Lạc Ninh A	QĐ 493 24/2/2023	20.000		13.000				13.000		13.000				13.000			Ban QLDA DTXD huyện	
3.2	XD 04 phòng hành chính quản trị, 01 phòng đa chức năng, 01 phòng họp Trường TH Lạc Thái B	QĐ 495 24/2/2023	5.000		5.000				5.000		5.000				5.000			Ban QLDA DTXD huyện	

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lấy kế toán hết năm 2022	Kế hoạch điều chỉnh vốn theo Nghị quyết 14							Dự kiến kế hoạch điều chỉnh vốn 10 tháng năm 2023					Chú dẫn tư
					Tổng cộng	Trong đó				Vốn chuyển Nguồn 2022 - 2023	Tổng cộng	Trong đó			Vốn chuyển Nguồn 2022 - 2023		
						Vốn phân cấp	Thu tiền sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ, NTM				Vốn phân cấp	Thu tiền sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ, NTM			
								Vốn NTM TW hỗ trợ	hỗ trợ khác tính					Vốn NTM TW hỗ trợ		hỗ trợ khác tính	
3.3	Xây dựng trường Mẫu giáo Hoa Cúc (Lộc Tân)	QĐ 492 24/2/2023	30.000		15.000			15.000			1.500			1.500		Ban QLDA BTEXD huyện	
3.4	XD nhà văn hóa và 02 phòng chức năng Trường PTDT nội trú THCS huyện Lộc Ninh	QĐ 494 24/2/2023	5.000		5.000			5.000			5.000			5.000		Ban QLDA BTEXD huyện	
3.5	Xây dựng 03 phòng học tập, 03 phòng hỗ trợ học tập, 03 phòng phụ trợ và nhà tập đa năng Trường Tiểu học Lộc Hưng	QĐ 2067 03/7/2023	14.900		8.000			8.000			5.500			5.500		Ban QLDA BTEXD huyện	
3.6	XD Đường điện THTT và trạm điện ba pha trường TH Lộc Thái A	QĐ 2068 03/7/2023	800		800			800			800			800		Ban QLDA BTEXD huyện	
3.7	XD 10 phòng học chức năng và nhà tập đa năng Trường TH TT Lộc Ninh B	QĐ 2062 ngày 30/6/2023	14.900		5.900			5.900			5.900			5.900		Ban QLDA BTEXD huyện	
3.8	Xây dựng 06 Phòng học và chức năng và các công trình phụ trợ Trường Mẫu Giáo Vàng Anh.	QĐ 2120 ngày 07/7/2023	8.762		3.000			3.000			4.000	1.000		3.000		Ban QLDA BTEXD huyện	
3.9	Xây dựng 02 phòng học bộ môn, 01 hội trường, 01 phòng bảo vệ, nhà xe học sinh và nhà vệ sinh giáo viên Trường TH và THCS Lộc An	QĐ 2595 ngày 14/8/2023	9.000								3.647			3.647		Ban QLDA BTEXD huyện	
4	BỒI THƯỜNG GIẢI PHÒNG MẮT BÀNG		80.000	-	75.301	4.424	38.982	24.895	7.000	4.782	-	4.782	-	-	-		
4.1	Các dự án Giải Phòng MB khác trên địa bàn		80.000		72.690	4.424	38.982	22.284	7.000	2.000		2.000				Trung tâm PTQĐ	
4.2	GPMB thu hồi đất công quy hoạch đất sử nghiệp giáo dục (quy hoạch trường TH-THCS Lộc Phú)				2.611			2.611		2.782		2.782				UBND xã Lộc Phú	
5	VON TẤT TOÀN CÔNG TRÌNH ĐÀ QUYẾT TOÀN				13.191	390	390	12.411	-	8.704	1.114	-	7.590	-	-		
5.1	XD 12 phòng học lầu Trường TH Lộc Hưng	QĐ 2704 29/7/2019			289	289				289		289				Ban QLDA BTEXD huyện	
5.2	XD 8 phòng học lầu Trường TH và THCS Lộc Thành	QĐ 2701 27/9/2019			101	101				101	101					Ban QLDA BTEXD huyện	
5.3	Công trình chưa đủ điều kiện khởi công mới				7.647			7.647		-						Giao UBND phân bổ chi tiết khi đủ điều kiện	
5.4	Công trình đã hoàn thành và Quyết toán				5.154		390	4.764		8.314	724		7.590			Phụ lục 1.2	
III	CÔNG TRÌNH CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		55.400	-	350	-	300	50	-	950	-	250	-	700	-		
I	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG		20.400	-	50	-	50	-	-	850	-	150	-	700	-		
1.1	Xây dựng hồ nước phòng, chống cháy rừng và tạo cảnh quan trong khu vực quy hoạch tổng thể di tích căn cứ Bộ chỉ huy quân giải phóng Miền Nam Việt Nam		15.000		50		50			50		50				Ban QLDA BTEXD huyện	
1.2	Xây dựng hàng rào, sửa chữa trụ sở làm việc, hệ thống giám sát camera, hệ thống cảnh báo phòng cháy chữa cháy trụ sở UBND huyện		2.700							50		50				Ban QLDA BTEXD huyện	
1.3	Xây dựng hàng rào, sửa chữa Hội trường, sửa chữa trụ sở làm việc, hệ thống giám sát camera, hệ thống cảnh báo phòng cháy chữa cháy Văn phòng Huyện ủy		2.700							50		50				Ban QLDA BTEXD huyện	
1.4	Xây dựng nhà ở doanh trại, trụ sở công an các xã				-					500			500			Có danh mục kèm theo	
1.5	Xây dựng các công trình trường chuẩn									200			200			Có danh mục kèm theo	
2	CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG		12.000	-	100	-	100	-	-	100	-	100	-	-			
2.1	Xây dựng cầu Bê tông cốt thép ấp Ba Ven, xã Lộc Khánh		12.000		100		100			100		100				Ban QLDA BTEXD huyện	
3	CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		23.000	-	200	-	150	50	-	-	-	-	-	-	-		
3.1	XD 10 phòng hỗ trợ học tập Trường THCS Lộc Hưng		10.000		100		100			-		-	-	-	-	Ban QLDA BTEXD huyện	
3.2	Xây dựng 02 phòng học bộ môn, 01 hội trường, 01 phòng bảo vệ, nhà xe học sinh và nhà vệ sinh giáo viên Trường TH và THCS Lộc An		9.000		50		50									Ban QLDA BTEXD huyện	
3.3	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng khu chầy thân nhân tạo, khu nhà đại thể, hệ thống thoát nước thải sinh hoạt, nước mưa, nước thải y tế, công phụ và ram dốc Trung tâm y tế huyện Lộc Ninh		4.000		50		50									Ban QLDA BTEXD huyện	
B	VON HUYNH TRỎ CẤP CẦN ĐỔI CHO NSX QUẢN LÝ		103.765	31.506	122.882	13.745	16.290	-	5.470	128.382	16.245	16.290	-	87.377	8.470		
I	CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP		60.309	31.506	14.541	13.745	796	-	-	15.541	14.745	796	-	-			
1	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG		11.700	1.835	2.365	2.365	-	-	-	3.480	3.480	-	-	-			
1.1	Cải tạo trụ sở UBND thị trấn Lộc Ninh thành nhà văn hóa khu phố Ninh Phú, thị trấn Lộc Ninh	QĐ số 73 24/02/2022	1.200	835	365	365				365	365					UBND TT Lộc Ninh	

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lấy kế toán bố trí đến hết năm 2022	Kế hoạch điều chỉnh vốn theo Nghị quyết 14										Dự kiến kế hoạch điều chỉnh vốn 10 tháng năm 2023						Chú đầu tư
					Tổng cộng	Vốn phân cấp	Thu tiền sử dụng đất	Trong đó		Vốn chuyển Nguồn 2022 - 2023	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Thu tiền sử dụng đất	Trong đó		Vốn chuyển Nguồn 2022 - 2023					
								Vốn NTM	hỗ trợ khác tính					Vốn NTM	hỗ trợ khác tính						
1.2	Cải tạo khu thể thao-văn hoá thị trấn Lộc Ninh (Sân vận động huyện)	QĐ 400 ngày 10/7/2022	10.500	1.000	2.000	2.000	-	-	-	-	3.115	3.115	-	-	-	-	UBND TT Lộc Ninh				
2	CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG				35.469	23.421	6.148	6.148	-	-	-	5.533	5.533	-	-	-	-	UBND xã Lộc Hiệp			
2.1	Đầu tư hạ tầng khu quy hoạch dân cư ấp Hiệp Hoàn, xã Lộc Hiệp	QĐ số 62 23/02/2022	1.699	1.000	699	699	-	-	-	-	699	699	-	-	-	-					
2.2	Đầu tư hạ tầng khu quy hoạch dân cư Trung tâm xã Lộc An	QĐ số 278 19/8/2021	5.400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	UBND xã Lộc An				
2.3	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Phú và đường D6 khu phố Ninh Thịnh, thị trấn Lộc Ninh	QĐ số 713 22/12/2021	6.902	5.100	1.896	1.896	-	-	-	-	1.852	1.852	-	-	-	-	UBND TT Lộc Ninh				
2.4	Nâng cấp đường Lê Lợi, thị trấn Lộc Ninh	QĐ số 713 22/12/2021	6.902	6.121	781	781	-	-	-	-	178	178	-	-	-	-	UBND TT Lộc Ninh				
2.5	Nâng cấp, mở rộng đường Cách mạng tháng tám, thị trấn Lộc Ninh	QĐ số 61 17/02/2022	6.972	5.200	1.772	1.772	-	-	-	-	1.494	1.494	-	-	-	-	UBND TT Lộc Ninh				
2.6	Nạo vét, xây kè suối Cầu Lò Hèo, thị trấn Lộc Ninh	QĐ số 45 27/01/2022	6.000	5.000	500	500	-	-	-	-	842	842	-	-	-	-	UBND TT Lộc Ninh				
2.7	Đầu tư hạ tầng khu quy hoạch dân cư đường Nguyễn Văn Cừ, khu phố Ninh Thịnh, thị trấn Lộc Ninh	QĐ số 70 23/02/2022	1.500	1.000	500	500	-	-	-	-	468	468	-	-	-	-	UBND TT Lộc Ninh				
4	CÔNG TRÌNH ĐIỆN				6.984	3.650	3.334	3.334	-	-	-	3.334	3.334	-	-	-	-	UBND xã Lộc Hòa			
4.1	Điện áp 7, xã Lộc Hòa	QĐ số 393 09/8/2021	2.700	1.650	1.050	1.050	-	-	-	-	1.050	1.050	-	-	-	-					
4.2	Điện áp 8C, xã Lộc Hòa	QĐ số 394 09/8/2021	4.284	2.000	2.284	2.284	-	-	-	-	2.284	2.284	-	-	-	-	UBND xã Lộc Hòa				
3	CÔNG TRÌNH THỦY LỢI				6.156	2.600	2.694	1.898	796	-	-	3.194	2.398	796	-	-	-	UBND xã Lộc An			
3.1	Bê tông hóa tuyến kênh mương nội đồng ấp 54, xã Lộc An	QĐ số 436 23/8/2021	2.258	600	796	796	-	-	-	-	1.296	500	796	-	-	-					
3.2	Xây dựng đập dâng nước trên suối Lâm Bui đoạn qua xã Lộc Khánh	QĐ số 68 28/3/2022	3.898	2.000	1.898	1.898	-	-	-	-	1.898	1.898	-	-	-	-	UBND xã Lộc Khánh				
II	CÔNG TRÌNH KHỎI CÔNG MÔI				43.456	-	108.341	-	15.494	-	87.377	5.470	112.841	1.500	15.494	-	87.377	8.470	Giao UBND phân bổ chỉ tiết khi đủ điều kiện		
I	CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG				25.050	-	20.070	-	10.100	-	4.500	5.470	24.570	1.500	10.100	-	4.500	8.470			
1.1	Dự án đặc thù theo Nghị định 27 và dự án nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông trên địa bàn các xã, thị trấn		20.000		15.570		10.100				5.470	19.570	1.000	10.100			8.470	UBND xã Lộc An			
1.2	Nâng cấp, mở rộng đường ấp 4 (đoạn dốc Hòa Triết) xã Lộc An		3.850		1.000						1.000	1.500	500				1.000	UBND xã Lộc An			
1.3	Nâng cấp đường Nguyễn Bình, TT Lộc Ninh		1.200		1.000						1.000	1.500					1.000	UBND TT Lộc Ninh			
1.4	Mở rộng đường Lê Lợi, thị trấn Lộc Ninh (đoạn cuối đường Lê Lợi đi xã Lộc Thuận)		4.190		2.500						2.500	2.500					2.500	UBND TT Lộc Ninh			
2	Vốn nhiệm vụ quy hoạch						2.200	-	-	-	2.200	2.200	-	-	-	-	2.200	UBND xã Lộc An			
2.1	Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch NTM				250						250	300					250				
2.2	Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch NTM				300						300	260					260	UBND xã Lộc Tân			
2.3	Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch NTM				260						260	240					240	UBND xã Lộc Thuận			
2.4	Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch NTM				240						240	250					250	UBND xã Lộc Hưng			
2.5	Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch NTM				250						250	240					240	UBND xã Lộc Thuận			
2.6	Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch NTM				240						240	224					224	UBND xã Lộc Thịnh			
2.7	Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch NTM				224						206	230					206	UBND xã Lộc Thành			
2.8	Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch NTM				206						230	21.644					21.644	UBND xã Lộc Phú			
2.9	Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch NTM				230						21.644	94					94	Phòng LĐTBXH			
3	Vốn chương trình xây dựng NTM		18.406		2.762		2.762		2.762		2.762	2.632		2.632		2.632	2.632	Đã phân bổ			
4	Đề án diện chiếu sáng đường giao thông nông thôn				94		94		94		94	57.935		57.935		57.935	57.935	Đã phân bổ			
5	Vốn chương trình giảm 1000 hộ nghèo				60.567		60.567		60.567		60.567	1.004		1.004		1.004	1.004	Đã phân bổ			
6	Vốn chương trình giảm 1000 hộ nghèo				1.004		1.004		1.004		1.004										
7	Vốn chương trình giảm 1000 hộ nghèo																				

Ghi chú:

- Các công trình bố trí vốn phân cấp, giao Kho bạc nhà nước huyện giải ngân theo tiến độ dự án của ngân sách tỉnh.
- Các công trình bố trí vốn đầu tư sử dụng đất, giao Kho bạc nhà nước huyện giải ngân theo tiến độ thu tiền sử dụng đất và nguồn kết dư dự án sử dụng đất năm 2023 chuyển sang năm 2023.
- Các dự án do UBND các xã, thị trấn làm chủ đầu tư, giao UBND huyện trợ cấp ngân sách cho UBND các xã, thị trấn thực hiện.

Phụ lục 1.1

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 23 /NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2023 của HĐND huyện Lộc Ninh)



DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023			Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023			Ghi chú
		Tổng số	Vốn TW	Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Vốn TW	Vốn ngân sách tỉnh	
I	UBND các xã	19.644	13.644	6.000	21.644	15.644	6.000	
1	Xã Lộc Phú (đạt chuẩn)	19.644	13.644	6.000	19.644	13.644	6.000	UBND xã Lộc Phú
2	Xã Lộc Thành (củng cố, duy trì chất lượng tiêu chí)				1.000	1.000		UBND xã Lộc Thành
3	Xã Lộc Hòa (củng cố, duy trì chất lượng tiêu chí)				1.000	1.000		UBND xã Lộc Hòa

PHỤ LỤC CHI TIẾT KÈM THEO KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 (CÔNG TRÌNH QUYẾT TOÁN)
 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số **23** /NQ-HĐND ngày **30** tháng 10 năm 2023 của HĐND huyện Lộc Ninh)



Đơn vị: triệu đồng.

TT	Tên dự án, công trình	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị đã giải ngân	Giá trị còn phải thanh toán	Ghi chú
	Tổng cộng	33.751	30.714	8.314	-
1	XD 18 phòng học lầu Trường TH và THCS Lộc Thiện	13.121	12.368	753	
2	Nâng cấp, mở rộng đường Lộc Tấn - Lộc Thanh kết nối QL13 (đoạn qua xã Lộc Tấn)	13.148	12.752	396	
3	Đường giao thông Tổ 5 ấp 12 Lộc Tấn	4.774	3.800	975	
4	Xây dựng trụ sở Hạt Kiểm Lâm	2.708	1.794	914	
5	Các công trình đang làm HS quyết toán	5.276	-	5.276	

PHỤ LỤC DANH MỤC CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **23** /NQ-HĐND ngày **30** tháng 10 năm 2023 của HĐND huyện Lộc Ninh)

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Tên dự án, công trình	TMBĐT	KH vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Tổng cộng	71.750	800		-
1	Xây dựng nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông, kê đá, san lấp mặt bằng, công trình phụ Công an xã Lộc An	1.000	50	Ban QLDA DTXD huyện	
2	Xây dựng nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Hòa	1.100	50	Ban QLDA DTXD huyện	
3	Xây dựng nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Tấn	850	50	Ban QLDA DTXD huyện	
4	Xây dựng nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Thanh	1.000	50	Ban QLDA DTXD huyện	
5	Xây dựng nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Thành	1.100	50	Ban QLDA DTXD huyện	
6	Xây dựng nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông, kê đá, san lấp mặt bằng, công trình phụ Công an xã Lộc Thiện	1.000	50	Ban QLDA DTXD huyện	
7	Xây dựng nhà ở Doanh trại, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Hiệp	2.000	50	Ban QLDA DTXD huyện	
8	Xây dựng Trụ sở, nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Quang	2.300	50	Ban QLDA DTXD huyện	
9	Xây dựng nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Thuận	2.300	50	Ban QLDA DTXD huyện	
10	Xây dựng Trụ sở, nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Phú	2.200	50	Ban QLDA DTXD huyện	
11	Xây dựng nhà bảo vệ, nhà để xe giáo viên, nhà để xe học sinh, nhà vệ sinh giáo viên, cổng, kê đá, sân bê tông, nâng cấp 02 khối phòng học cũ thành phòng chức năng Trường TH thị trấn Lộc Ninh A	5.500	50	Ban QLDA DTXD huyện	
12	Xây dựng nhà thể thao có mái che, nhà vệ sinh giáo viên, nhà vệ sinh học sinh, hệ thống thoát nước, giếng khoan, sân bê tông Trường THCS Lộc Quang	4.000	50	Ban QLDA DTXD huyện	
13	Xây dựng 06 phòng học bộ môn (khối TH), Nhà thể dục thể thao có mái che (khối THCS) và một số hạng phụ trợ Trường TH và THCS Lộc Thành	11.000	50	Ban QLDA DTXD huyện	
14	Xây dựng 09 phòng học lý thuyết, 05 phòng bộ môn, 05 phòng hỗ trợ học tập, hệ thống PCCC và một số hạng phụ trợ Trường THCS Lộc Thái	31.000	50	Ban QLDA DTXD huyện	
15	Xây dựng hàng rào, sửa chữa trụ sở làm việc, hệ thống giám sát camera, hệ thống cảnh báo phòng cháy chữa cháy trụ sở làm việc UBND huyện	2.700	50	Ban QLDA DTXD huyện	
16	Xây dựng hàng rào, sửa chữa Hội trường, sửa chữa trụ sở làm việc, hệ thống giám sát camera, hệ thống cảnh báo phòng cháy chữa cháy trụ sở làm việc Văn phòng Huyện ủy	2.700	50	Ban QLDA DTXD huyện	